

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 325/QĐ-CĐCĐHN ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội)

Tên ngành, nghề:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã ngành, nghề:	6340114
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, sức khoẻ tốt, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về quản trị, có khả năng quản lý và điều hành một số hoạt động cơ bản trong doanh nghiệp; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức

- Có khả năng vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong thực tiễn công tác tại doanh nghiệp.

- Khái quát hóa được các kiến thức căn bản của chuyên ngành quản trị kinh doanh như: nghiên cứu và khai thác thị trường, quản lý công tác tài chính – kế toán trong doanh nghiệp, xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị các hoạt động bán hàng, marketing, nhân lực, thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng và tổ chức triển khai các dự án kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Về kỹ năng

- Phân tích được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp thông qua đánh giá ma trận SWOT.
- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện được kế hoạch marketing, vận dụng được bốn chính sách của hệ thống Marketing hỗn hợp trong các chiến lược phát triển thị trường của đơn vị.

- Xây dựng được kế hoạch bán hàng thích hợp với SWOT của doanh nghiệp.

- Vận dụng được cách thức truyền thông PR phù hợp cho loại hình doanh nghiệp và thời điểm triển khai.

- Thu thập, phân tích, tổng hợp được thông tin, thực hiện được một số công việc trong công tác quản trị dự án và phát triển thị trường.

- Nhận dạng được một số rủi ro chính yếu trong quá trình kinh doanh, từ đó đánh giá tính hiệu quả của chương trình kiểm soát rủi ro trong doanh nghiệp.

- Thiết kế được bốn loại mô hình thương hiệu và thiết lập các rào cản kỹ thuật, kinh tế và tâm lý dùng để tự bảo vệ thương hiệu cho doanh nghiệp.

- Xây dựng được bản mô tả công việc cho từng vị trí công tác. Tính toán tiền lương trả cho người lao động trong doanh nghiệp.

- Lựa chọn được các công cụ và phương pháp đo lường chất lượng, các phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng phù hợp với từng loại sản phẩm.

- Vận dụng được các phương pháp tìm hiểu tâm lý con người nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị, thiết lập chiến lược marketing của doanh nghiệp phù hợp với tâm lý hành vi khách hàng.

- Phân tích được ưu, nhược điểm; thế mạnh và bất lợi của các chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Có kỹ năng soạn thảo và hoàn thiện các loại hợp đồng mua bán sản phẩm hàng hóa dịch vụ.

- Vận dụng được các kỹ năng mềm vào hoạt động nghề nghiệp như: kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, kỹ năng phân tích và lập kế hoạch...

- Có năng lực tiếng Anh bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam Sử dụng tốt một số phần mềm tin học ứng dụng thông thường để soạn thảo văn bản, tính toán, xây dựng trang trình chiếu; khai thác tốt công cụ Internet để thu thập và trao đổi thông tin.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ đúng các quy định, quy chế, nội qui của doanh nghiệp.

- Hình thành được phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, thân thiện, nhiệt tình, cầu tiến. Có đạo đức và tinh thần làm việc tích cực, quyết đoán, bền bỉ, khả năng thích nghi với môi trường làm việc áp lực cao.

- Tự hoàn thiện kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng PR cho bản thân.

- Thích nghi và hòa nhập tốt với môi trường văn hóa của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh quốc tế.

- Chủ động, kiên nhẫn, khách quan trong việc tìm hiểu tâm lý con người. Thận trọng khi giải quyết các vấn đề xung đột phát sinh trong doanh nghiệp.

- Sẵn sàng, tích cực tham gia vào các kế hoạch thay đổi trong doanh nghiệp. Chủ động tìm kiếm các giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro trong quá trình kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác quản trị đối với hiệu quả hoạt động của của nhiều mặt công tác khác nhau trong doanh nghiệp.

- Tích cực tham gia vào các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, quản trị thương hiệu của doanh nghiệp.

- Có ý thức tự học hỏi, bồi dưỡng để nâng cao khả năng chuyên môn cho bản thân. Có tinh thần làm việc dân chủ, khả năng quyết đoán, ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, linh hoạt, nhạy bén trong giải quyết và xử lý các công việc được phân công phụ trách.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong người học có thể làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, các công ty thương mại hoặc tại các siêu thị, đại lý bán hàng, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn hay các công ty chuyên tổ chức sự kiện với các vị trí công tác như:

- Nhân viên lễ tân, văn phòng
- Nhân viên chăm sóc khách hàng
- Nhân viên bộ phận nhân sự, kinh doanh, marketing
- Nhân viên bộ phận phân xưởng sản xuất

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **42** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **115** tín chỉ (**2.505** giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **30** tín chỉ (**660** giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **85** tín chỉ (**1.845** giờ)
- Khối lượng lý thuyết: **846** giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.593** giờ
- Khối lượng kiểm tra: **66** giờ

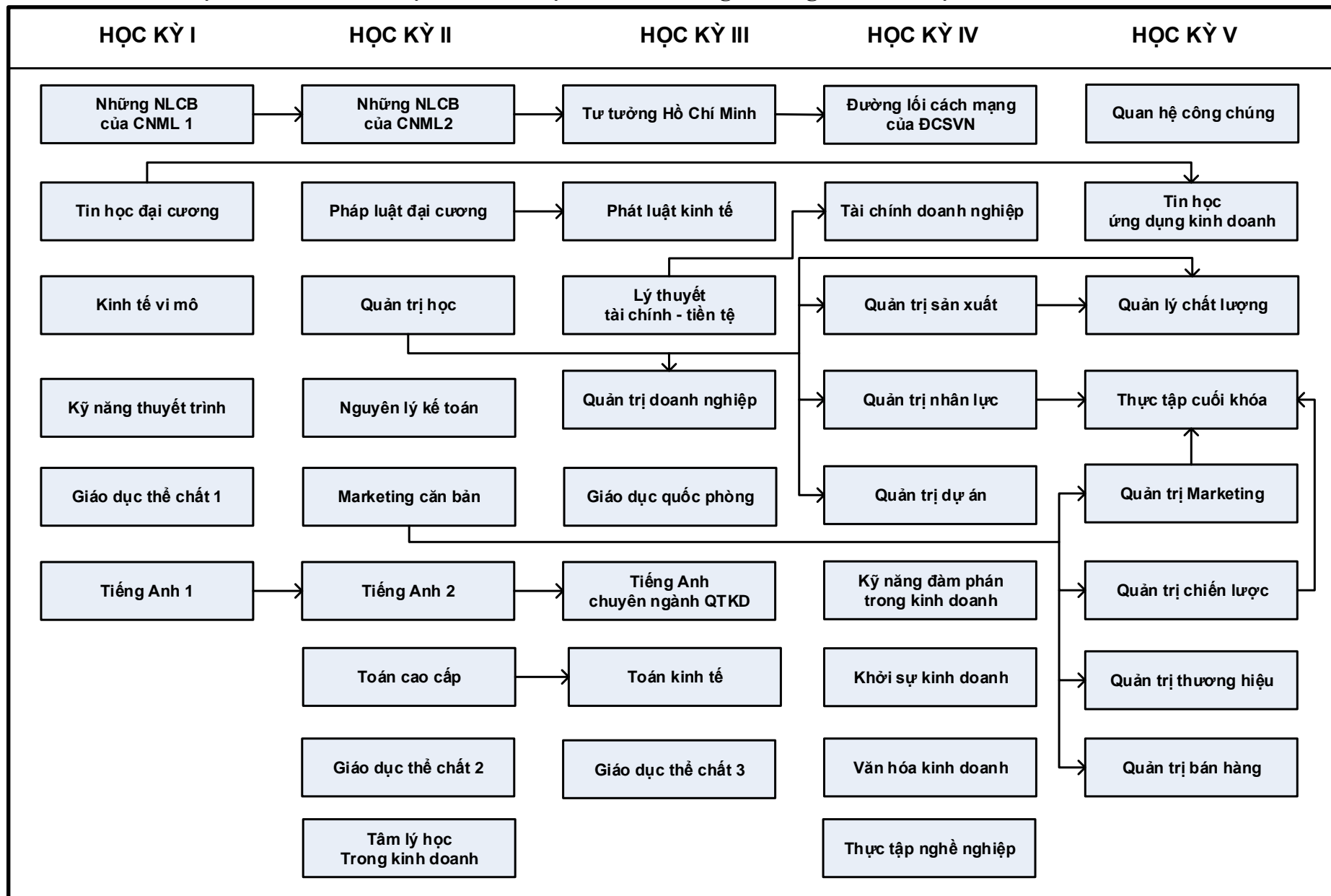
3. Nội dung chương trình

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL	TL, BT		
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	30	660	212	104	323	21	
MH.01	Những NLCB của CNML1	2	30	20	9		1	
MH.02	Những NLCB của CNML2	3	45	32	12		1	MH.01
MH.03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	20	9		1	MH.02
MH.04	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	33	11		1	MH.03
MH.05	Tiếng Anh 1	3	60	14	16	27	3	
MH.06	Tiếng Anh 2	3	60	12	16	30	2	MH.05
MH.07	Toán cao cấp	3	45	22	22		1	
MH.08	Tin học đại cương	3	60	30		28	2	
MH.09	Pháp luật đại cương	2	30	20	9		1	
MH.10	Giáo dục thể chất 1	1	30	3		24	3	
MH.11	Giáo dục thể chất 2	1	30	3		25	2	
MH.12	Giáo dục thể chất 3	1	30	3		24	3	
MH.13	Giáo dục quốc phòng	3	165			165		
II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	85	1 845	634	272	894	45	
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>18</i>	<i>270</i>	<i>177</i>	<i>80</i>	<i>0</i>	<i>13</i>	

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Lý thuyết	Trong đó		Kiểm tra	
					TH, TT, TN, BT, TL	TL, BT		
MH.14	Kinh tế vi mô	3	45	29	14		2	
MH.15	Nguyên lý kế toán	3	45	27	16		2	
MH.16	Quản trị học	2	30	21	8		1	
MH.17	Marketing căn bản	2	30	18	10		2	
MH.18	Toán kinh tế	3	45	30	14		1	MH.07
MH.19	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	32	9		4	
MH.20	Pháp luật kinh tế	2	30	20	9		1	MH.09
II.2	Môn học chuyên môn	67	1575	457	192	894	32	
MH.21	Kỹ năng thuyết trình	2	45	15		30		
MH.22	Tâm lý học trong kinh doanh	2	30	23	6		1	
MH.23	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	7	6	30	2	MH.06
MH.24	Quản trị doanh nghiệp	3	45	30	13		2	MH.16
MH.25	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2	30	16	12		2	
MH.26	Tài chính doanh nghiệp	3	45	33	10		2	MH.19
MH.27	Quản trị nhân lực	3	45	30	13		2	MH.16
MH.28	Quản trị dự án	3	45	29	15		1	MH.16
MH.29	Quản trị sản xuất	3	45	30	13		2	MH.16

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Lý thuyết	Trong đó		Kiểm tra	
					TH, TT, TN, BT, TL	TL, BT		
MH.30	Quản lý chất lượng	2	30	21	8		1	MH.16, MH.29
MH.31	Quản trị thương hiệu	3	45	27	17		1	MH.17
MH.32	Quản trị chiến lược	3	45	24	19		2	MH.17
MH.33	Quản trị bán hàng	3	45	30	14		1	MH.17
MH.34	Quản trị Marketing	4	60	36	22		2	MH.17
MH.35	Quan hệ công chúng	2	45	15		29	1	
MH.36	Tin học ứng dụng kinh doanh	2	45	15		24	6	MH.08
MH.37	Thực tập cuối khóa	10	450			450		MH.27, H.32, MH.34
MH.38	Khởi sự kinh doanh	2	30	21	8		1	
MH.39	Văn hóa kinh doanh	2	30	21	8		1	
MH.40	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	13		16	1	
MH.41	Nguyên lý thống kê	2	30	21	8		1	
MH.42	Thực tập nghề nghiệp	7	315			315		
	Tổng cộng	115	2 505	846	376	1 217	66	

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo



5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo được chia làm 5 học kỳ:

+ Học kỳ 1 và học kỳ 2: các môn học chung và môn học cơ sở.

+ Học kỳ 3 và học kỳ 4: các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn và môn học tự chọn.

+ Học kỳ 5: các môn học chuyên môn, môn học tự chọn và thực tập cuối khóa.

Cụ thể dự kiến phân học kỳ như sau:

+ HỌC KỲ I

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML1	2	30	
2	Tiếng Anh 1	3	60	
3	Tin học đại cương	3	60	
4	Giáo dục thể chất 1	1	30	
5	Kinh tế vi mô	3	45	
6	Kỹ năng thuyết trình	2	45	
	TỔNG	14	270	

+ HỌC KỲ II

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML2	3	45	
2	Tiếng Anh 2	3	60	
3	Toán cao cấp	3	45	
4	Pháp luật đại cương	2	30	
5	Giáo dục thể chất 2	1	30	
6	Nguyên lý kế toán	3	45	
7	Quản trị học	2	30	
8	Marketing căn bản	2	30	
9	Tâm lý học trong kinh doanh	2	30	
	TỔNG	21	345	

+ HỌC KỲ III

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
2	Giáo dục thể chất 3	1	30	
3	Giáo dục quốc phòng	3	165	
4	Toán kinh tế	3	45	
5	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	
6	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	
7	Quản trị doanh nghiệp	3	45	
8	Pháp luật kinh tế	2	30	
9	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	
10	Nguyên lý thống kê	2	30	
	TỔNG	23	495	

+ HỌC KỲ IV

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	
2	Tài chính doanh nghiệp	3	45	
3	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2	30	
4	Quản trị nhân lực	3	45	
5	Quản trị dự án	3	45	
6	Quản trị sản xuất	3	45	
7	Khởi sự kinh doanh	2	30	
8	Văn hóa kinh doanh	2	30	
9	Thực tập nghề nghiệp	7	315	
	TỔNG	28	630	

+ HỌC KỲ V

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Quản lý chất lượng	2	30	
2	Quản trị thương hiệu	3	45	
3	Quản trị chiến lược	3	45	
4	Quản trị bán hàng	3	45	
5	Quản trị Marketing	4	60	
6	Quan hệ công chúng	2	45	
7	Tin học ứng dụng kinh doanh	2	45	
8	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	10	450	
	TỔNG	29	765	

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Quản trị kinh doanh của trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội có thời gian đào tạo 2.5 năm theo học chế tín chỉ với đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Chương trình được thiết kế theo kiểu song ngành và thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đối với khối ngành Kinh doanh.

1. Môn học, mô đun là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn môn học, mô đun có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học, mô đun phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng môn học, mô đun phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại môn học, mô đun: môn học, mô đun bắt buộc và môn học, mô đun tự chọn.

Chương trình chi tiết các môn học, mô đun phải phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành, thảo luận, thí nghiệm và phần thực tập.

Chương trình các môn học, mô đun phải được thông qua tổ bộ môn, khoa, phòng đào tạo và Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

2.1. Môn học, mô đun bắt buộc là môn học, mô đun chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

2.2. Môn học, mô đun tự chọn là môn học, mô đun chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số môn học, mô đun quy định cho mỗi chương trình.

3. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

4. Một tiết học được tính:

b) Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

c) Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

d) Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

5. Kết quả của các môn học, mô đun Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất không tính vào điểm tổng kết học tập năm học của sinh viên. Sinh viên tham gia học tập đầy đủ, kiểm tra và thi đạt yêu cầu sẽ được cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng.

6. Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học, mô đun môn học phải thoả mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Phúc Đức